

# GIÁO DỤC ĐỊNH HƯỚNG GIÁ TRỊ NGHỀ NGHIỆP CHO HỌC SINH PHỔ THÔNG ĐÁP ỨNG YÊU CẦU PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI HIỆN NAY

PHẠM THỊ THÚY HỒNG\*

Ngày nhận bài: 08/12/2016; ngày sửa chữa: 20/12/2016; ngày duyệt đăng: 21/12/2016.

**Abstract:** In the context of international integration, economies must face a fierce battle. Therefore, participating in production networks and global value chains is required for economies that quality of human resources is a decisive factor in improving national competitiveness and gaining success. Meanwhile, quality of human resources in our country has not met the requirements of integration despite of improvement of vocational training. Therefore, careers guidance is necessary. In the article, author mentions theoretical issues on professional orientation and professional value education for high school students, meeting requirements of socio-economic development in current period.

**Keywords:** Value, professional values, value orientation.

## 1. Giá trị và định hướng giá trị (ĐHGТ)

**1.1. Khái niệm “giá trị”.** Có nhiều khái niệm khác nhau về *giá trị* được đưa ra trong các từ điển, các quan niệm của *Triết học, Xã hội học* thể hiện qua các công trình nghiên cứu của nhiều tác giả quốc tế hay ở Việt Nam (Phạm Minh Hạc, Thái Duy Tuyên...). Tuy nhiên, qua nghiên cứu, chúng tôi thấy rằng: *giá trị là cơ sở của mục tiêu, tiêu chuẩn và là nguồn gốc sâu xa nhằm thúc đẩy hoạt động của con người, là cơ sở cho sự hình thành ĐHGТ của cá nhân với tư cách là một chủ thể. Do đó, con người và cộng đồng người là nơi sinh ra giá trị và cũng là nơi gìn giữ, truyền thụ thực hiện giá trị.*

Sự hình thành giá trị, nguồn gốc giá trị trong quan hệ của cá nhân với tư cách là chủ thể hoạt động xã hội với các cá nhân khác vừa là khách thể vừa là chủ thể trong tương tác xã hội. Khách thể được phản ánh vào trong tâm lí của chủ thể và mối quan hệ này được chia làm hai loại: - *Quan hệ nhận thức:* Chủ thể hiểu rõ bản chất và quy luật của khách thể; - *Quan hệ đánh giá:* Xuất phát từ nhu cầu của bản thân chủ thể để từ đó phát hiện và tiếp thu giá trị của khách thể với chủ thể.

*Giá trị* bao gồm giá trị vật chất và giá trị tinh thần, trong đó: - *Giá trị vật chất* gồm giá trị sử dụng và giá trị kinh tế; - *Giá trị tinh thần* gồm: giá trị khoa học (giá trị nhận thức, các chân lí...), giá trị chính trị (cái chính nghĩa, cái cách mạng...), giá trị đạo đức (cái thiện, cái ác), giá trị pháp luật (cái hợp pháp), giá trị tôn giáo (sự thiêng liêng, thánh thiện).

**1.2. Lí luận về ĐHGТ.** Có nhiều định nghĩa về ĐHGТ, song dù định nghĩa bằng cách này hay cách

khác chúng đều thống nhất ở các điểm sau: - ĐHGТ là hiện tượng tâm lí có nguồn gốc khách quan, nảy sinh trong quá trình hoạt động, tác động tích cực qua lại giữa con người và thế giới khách quan trên cơ sở nắm vững hệ thống kinh nghiệm xã hội lịch sử loài người; - Có sự phân biệt các giá trị trong ý thức và tâm lí con người, là sự xác định của các nhân; trên cơ sở đó hình thành lối sống, phong cách giao tiếp và toàn bộ hành vi của cá nhân. Vì vậy, việc xác định thang giá trị và thực hiện các hành vi trên cơ sở lựa chọn các giá trị đó chính là ĐHGТ của cá nhân; - ĐHGТ như là xu hướng nhân cách hướng tới giá trị nào đó, cơ sở điều chỉnh hành vi con người và là thành phần trong cấu trúc nhân cách.

**1.3. Quá trình hình thành ĐHGТ.** Có nhiều quan điểm khác nhau về quá trình hình thành ĐHGТ. Trong cuốn **Các giá trị và dạy học** đã trình bày 7 giai đoạn về quá trình hình thành ĐHGТ (coi đó là các thang đo những tiêu chuẩn để xác định giá trị) [1] và quan điểm này đến nay vẫn tiếp tục được nhìn nhận. Cụ thể:

- *Chọn tự do:* Nghĩa là khi cá nhân tiến hành một sự lựa chọn sẽ không thúc đẩy bởi một quyền lực hay sự ép buộc nào mà do cá nhân tâm niệm, gửi gắm ý nghĩ và một sở thích, mục đích hay hoạt động nào đó.

- *Chọn từ khả năng lựa chọn khác nhau:* Tiêu chuẩn này liên quan rất nhiều đến cách chọn tự do. Lựa chọn ở đây chỉ là một khả năng được người ta chấp nhận trong các khả năng lựa chọn khác nhau. Do đó, cá nhân có thể xác định điều kiện một tiêu chuẩn

\* Viện Khoa học Giáo dục Việt Nam

thích hợp làm cơ sở cho một mối quan tâm, một chủ định hay một hành động.

- *Chọn sau khi đã dự đoán các kết quả có thể có của từng khả năng lựa chọn:* Giai đoạn này diễn ra quá trình cá nhân dự đoán được kết quả của từng khả năng lựa chọn. Chỉ khi các kết quả của các khả năng lựa chọn đã được phân tích và quán triệt, lúc đó cá nhân mới tiến hành lựa chọn một khả năng thông tin đúng đắn nhất và lúc đó mới chuyển thành giá trị.

- *Cân nhắc và tâm niệm:* Chủ thể ấp ủ và tâm niệm hoặc cân nhắc một cái gì đó mà người ta có cảm tình với nó. Các giá trị phát triển từ những lựa chọn mà người ta đã thực hiện một cách vui vẻ. Khi người ta đã tâm đắc, cân nhắc có nghĩa là người ta đã thỏa mãn và vui mừng với lựa chọn mình đã làm và sẽ được sử dụng làm hướng dẫn trong đời sống hàng ngày của cá nhân.

- *Khẳng định:* Là kết quả thu được sau khi các lựa chọn đã được cân nhắc và tâm niệm. Chỉ sau khi khẳng định, người ta mới sẵn sàng gắn bó với lựa chọn đó. Nếu một người nào đó lấy làm hãnh diện về một lựa chọn và sẵn sàng công khai lựa chọn đó thì có thể nói lựa chọn của người đó đã tuân thủ một giá trị khác cao hơn giá trị khẳng định.

- *Hành động theo lựa chọn:* Trong các giai đoạn nói trên, chúng ta lập luận về sự lựa chọn và cân nhắc. Giai đoạn này không chỉ là giai đoạn quan trọng trong quá trình ĐHGTT mà còn rất quan trọng bởi thông qua hành động mà một lựa chọn đã bộc lộ bản chất.

- *Lặp lại hành động:* Đây là giai đoạn cuối cùng trong quá trình hình thành ĐHGTT. Các giá trị phải được bộc lộ qua sự lặp lại trong hành động, lối sống của mỗi người. Mỗi cá nhân hành động phù hợp và kiên trì theo các giá trị mà họ đã quyết định lựa chọn.

Như vậy, tập hợp các quá trình trên xác định sự đánh giá giá trị. Kết quả của quá trình ĐHGTT là khẳng định được giá trị cũng có nghĩa là giá trị được hình thành ở cá nhân.

**1.4. Vai trò của ĐHGTT.** ĐHGTT giúp con người lập chương trình cho hành động của mình trong một thời gian dài, quy định đường lối chiến lược của hành vi; đồng thời, ĐHGTT có thể quy định trực tiếp hành vi của con người. ĐHGTT là nhân tố trung tâm để chi phối mọi suy nghĩ, hành động của con người; điều chỉnh và hướng hoạt động đó tới mục đích cơ bản mà họ đã đặt ra.

Như vậy, việc nghiên cứu ĐHGTT nói chung trong đó có ĐHGTT nghề nghiệp cho thế hệ trẻ nói riêng là cần thiết, nhất là trong điều kiện xã hội đổi mới liên tục như hiện nay. Bên cạnh đó, việc ĐHGTT còn có ý nghĩa

đặc biệt trong sự nghiệp GD-ĐT con người. ĐHGTT cho học sinh phổ thông (HSPT) rất phức tạp và luôn có sự thay đổi do ảnh hưởng của nhiều yếu tố: môi trường xã hội, môi trường học tập, nhu cầu cuộc sống hay nhận thức của cá nhân... Việc tìm ra trong hệ thống giá trị đặc trưng nhất về những cái chung nhất để xây dựng niềm tin cho HSPT vào cuộc sống, tránh những định hướng sai lệch về cuộc sống tương lai sau này.

## **2. Giá trị nghề nghiệp (GTNN) và ĐHGTT nghề nghiệp**

### **2.1. Nghề nghiệp và việc làm trong xã hội.**

*Nghề* là một lĩnh vực hoạt động lao động, nhờ được đào tạo, con người có được những tri thức, kĩ năng để làm ra các loại sản phẩm vật chất hay tinh thần nào đó, đáp ứng được những nhu cầu của xã hội. Nghề nghiệp trong xã hội không phải là một cái gì cố định, cứng nhắc. Nghề nghiệp cũng giống như một cơ thể sống, có sinh thành, phát triển và tiêu vong. Chẳng hạn, do sự phát triển của kĩ thuật điện tử nên hình thành công nghệ điện tử; do sự phát triển vũ bão của kĩ thuật máy tính nên hình thành nên công nghệ tin học đồ sộ (thiết kế, chế tạo cả phần cứng, phần mềm và các thiết bị hỗ trợ...); công nghệ thông tin hiện đại giúp cho việc trao đổi thông tin nhanh chóng làm giảm đi rất nhiều việc gửi thư cá nhân, dẫn đến nghề đưa thư không còn cần nhiều nhân lực; ngoài ra, công nghệ sinh học và các ngành dịch vụ, du lịch tiếp nối ra đời...

Ở Việt Nam những năm gần đây, do sự chuyển biến của nền kinh tế đã tạo ra những biến đổi sâu sắc trong cơ cấu nghề nghiệp của xã hội. Cơ chế thị trường, nhất là trong nền kinh tế tri thức tương lai, sức lao động cũng là hàng hóa. Giá trị "hàng hóa sức lao động" này tùy thuộc vào trình độ, tay nghề, khả năng về mọi mặt của người lao động. Xã hội đón nhận "hàng hóa" này như thế nào là do "hàm lượng chất xám" và "chất lượng sức lao động" quyết định. Và con người phải chủ động chuẩn bị tiềm lực, trau dồi bản lĩnh, nắm vững một nghề, biết nhiều nghề để rời tay tìm việc làm, tự tạo việc làm...

Nghề bao gồm nhiều chuyên môn. Trên thế giới hiện nay có trên dưới 2.000 nghề với hàng chục nghìn chuyên môn. Ở Liên Xô trước đây, người ta thống kê được 15.000 chuyên môn; ở nước Mỹ con số đó lên tới 40.000... Xã hội càng nhiều nghề bao nhiêu thì sự lựa chọn của mỗi cá nhân lại càng khó bấy nhiêu. Vì để chọn một nghề phù hợp nhất với khả năng của mình, đồng nghĩa là phải gạt bỏ các khả năng khác; lựa chọn nghề phù hợp nhất cũng chính là lựa chọn cho mình một tương lai. Khi nước ta đã gia nhập WTO, sự

hội nhập và giao lưu quốc tế ngày một tăng, kèm theo đó là đòi hỏi về tay nghề và chuyên môn cao ngày càng cấp thiết. Để đáp ứng nhu cầu và chủ động tạo việc làm cho người lao động, xã hội phải chuyển hướng và tổ chức lại, bổ túc và nâng cao năng lực nghề nghiệp cho người lao động, biết thích ứng với nhiều nghề hoặc các công đoạn khác nhau của một nghề. Còn cá nhân lao động vừa phải hiểu biết năng lực lao động thông qua nhiều nghề khác nhau, lại vừa phải đi sâu tìm hiểu kỹ một nghề nhất định và họ càng thành thạo chuyên môn bao nhiêu thì càng tốt bấy nhiêu cho lợi ích của bản thân và cả xã hội.

**2.2. Giá trị nghề nghiệp.** GTNN là quan niệm, đánh giá của cá nhân và xã hội về nghề, là cơ sở để cá nhân lựa chọn nghề phù hợp với bản thân và đáp ứng nhu cầu xã hội. Cũng như những giá trị khác, GTNN không ổn định, luôn thay đổi cùng với thay đổi của xã hội. Ở Việt Nam, dưới chế độ phong kiến, việc học tập là nhu cầu không thể thiếu, đa số mọi người đều mong muốn cho con mình học được “dăm ba cái chữ” để nên người. Số ít muốn học hành đỗ đạt để “vinh quy bái tổ”. Điều này bắt nguồn từ truyền thống học tập từ ngàn xưa; mặt khác, cũng để có tri thức giúp ích cho xã hội nên những thầy đồ được mọi người yêu quý, kính trọng. Ngày nay, khi xã hội ngày càng phát triển thì những tri thức mà con người học được không chỉ dừng lại ở mức “trên thông thiên văn, dưới tường địa lý” mà còn phải là hệ thống những tri thức, kỹ năng, kỹ xảo khoa học để truyền đạt lại cho người học, làm cho họ thấy được giá trị của những kỹ năng, kỹ xảo đó cũng như những giá trị của nghề đó.

Ngày nay, trước sự phát triển như vũ bão của cuộc cách mạng khoa học kỹ thuật, sự bùng nổ thông tin, chúng ta không chỉ học tri thức, kỹ năng, kỹ xảo nghề nghiệp, những phẩm chất đạo đức của nghề, thấy rõ giá trị đích thực của nghề mình theo học mà còn phải biết tiếp nhận và có khả năng xử lý những thông tin khác nhau để theo kịp sự phát triển của xã hội và chính nghề nghiệp của mình. Từ đó, đề ra hành động phù hợp và làm cho nghề của mình có giá trị.

GTNN không chỉ do yếu tố khách quan đem lại, nó xuất hiện một cách khách quan và phục vụ đắc lực cho sự phát triển kinh tế, chính trị, văn hóa xã hội của một nước trong từng giai đoạn lịch sử nhất định, mà còn do chính bản thân con người của nghề nghiệp đó mang lại. Khi xã hội càng phát triển thì GTNN cũng phát triển theo và làm thỏa mãn nhu cầu, mong muốn, phục vụ tích cực cho sự tiến bộ nói chung và mỗi người nói riêng.

**2.3. ĐHGТ nghề nghiệp.** Đến nay, khái niệm “ĐHGТ nghề nghiệp” vẫn chưa được thống nhất, nhưng theo cách hiểu phổ biến thì ĐHGТ nghề nghiệp là sự phản ánh chủ quan có phân biệt các GTNN trong ý thức của con người.

GTNN là sự đánh giá của xã hội với nghề, nên khi xã hội thay đổi thì ĐHGТ nghề nghiệp cũng thay đổi. Do sự thay đổi trong quan hệ kinh tế toàn cầu, quan niệm “nhất nghề tinh, nhất thân vinh” trước đây cũng nhường chỗ cho quan niệm mới. Sinh viên ngày nay đang phấn đấu để biết một vài nghề, biết ngoại ngữ, tin học... để dễ tìm được việc làm có thu nhập cao. Ngoài ra, còn phải tính đến sự hội tụ của nhiều yếu tố để tạo nên giá trị của nghề, như: hàm lượng chất xám trong nghề cao, phải đầu tư nhiều tiền của và công sức vào nghề, nghề được xã hội đánh giá cao...

ĐHGТ nghề nghiệp của người lao động được hình thành ngay từ khi các em còn học phổ thông, thông qua các thầy cô giáo, gia đình, bạn bè và các phương tiện thông tin đại chúng, học sinh (HS) có những hiểu biết nhất định về nghề nghiệp. Vì vậy, các em có lựa chọn và ĐHGТ nghề nghiệp theo yêu cầu của nghề và của xã hội từ khá sớm. Hiện nay, vấn đề lựa chọn nghề nghiệp không chỉ là mối quan tâm của HS, sinh viên mà còn là của các cấp, các ngành, của Nhà nước, nhân dân... không chỉ ở các nước đang phát triển mà ở cả những nước phát triển. Đồng thời, đang tồn tại một vấn đề thực tế là người học học xong nghề lại làm trái chuyên môn của mình. Đây là vấn đề hết sức bức xúc, và trở ngại đối với ngành giáo dục nước ta hiện nay. Vì vậy, việc giáo dục ĐHGТ nghề nghiệp cho HS là rất quan trọng.

### **3. Giáo dục ĐHGТ nghề nghiệp cho HS phổ thông**

**3.1. Giáo dục ĐHGТ nghề nghiệp.** Đến nay vẫn chưa có một khái niệm nào về giáo dục ĐHGТ nghề nghiệp cụ thể. Giáo dục ĐHGТ nghề nghiệp là một hoạt động của các nhà giáo dục, các cán bộ thuộc các cơ quan khác nhau được tiến hành với mục đích giúp HS có nhận thức và thái độ đúng đắn về giá trị của các nghề trong xã hội. Từ đó, tiến đến việc lựa chọn nghề phù hợp với khả năng, năng lực, nguyện vọng, đáp ứng nhu cầu xã hội.

**3.2. Vai trò, tầm quan trọng của hoạt động giáo dục ĐHGТ nghề nghiệp.** Hiện nay, cả nước ta đang hướng tới mục tiêu từng bước CNH, HĐH nhằm đưa đất nước ta vươn lên thành một nước công nghiệp văn minh, hiện đại: “Đưa nước ta ra khỏi tình trạng kém phát triển... tạo nên tầng đến năm 2020 nước ta trở thành một nước công nghiệp theo hướng hiện đại. Nguồn lực con người, năng lực

khoa học và công nghệ, kết cấu hạ tầng, tiềm lực kinh tế, quốc phòng, an ninh được tăng cường. Thế chế kinh tế thị trường theo định hướng xã hội chủ nghĩa được hình thành về cơ bản, vị thế của nước ta trên trường quốc tế được nâng cao” (Văn kiện Đại hội IX của Đảng). Như vậy, quá trình CNH, HĐH ở nước ta được thực hiện trên cơ sở đảm bảo sự kết hợp hài hòa giữa tăng trưởng kinh tế và tiến bộ xã hội theo hướng phát triển bền vững; trong đó, nhân tố con người là trung tâm. Để từng bước thực hiện được mục tiêu này, trong *Nghị quyết Hội nghị lần thứ hai Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa VIII* đã khẳng định: “Muốn tiến hành CNH, HĐH thắng lợi phải phát triển mạnh GD-ĐT, phát huy nguồn lực con người, yếu tố của sự phát triển nhanh và bền vững”.

**3.3. Ý nghĩa, bản chất của công tác giáo dục ĐHGTT nghề nghiệp.** Giáo dục ĐHGTT nghề nghiệp là vấn đề đặc biệt quan trọng trong quá trình phát triển nghề nghiệp của mỗi HS. Mỗi HS có lựa chọn cho mình một nghề phù hợp với năng lực, hứng thú, nguyện vọng và đáp ứng nhu cầu xã hội hay không là phụ thuộc vào nhận thức của mỗi em đối với những GTNN trong xã hội, những yêu cầu của nghề và năng lực bản thân đối với những yêu cầu của nghề đó... Như vậy, giáo dục ĐHGTT nghề nghiệp nhằm hướng dẫn cá nhân hướng tới nghề nghiệp một cách chính xác trong quá trình hình thành và phát triển nghề của mỗi cá nhân. Trong quá trình lựa chọn nghề của mình, nếu HS nhận thức được những GTNN, yêu cầu, đòi hỏi của nghề nghiệp rồi đối chiếu với những năng lực, nguyện vọng, hứng thú của bản thân thì sẽ có thái độ đúng đắn trong việc dự định chọn nghề và chọn nghề phù hợp.

Do vậy, trong quá trình dạy học và giáo dục, giáo viên bên cạnh việc truyền đạt tri thức cho HS còn cần giúp các em có sự nhận thức đúng đắn về các giá trị nói chung và giá trị của các nghề trong xã hội; có nhận thức đúng đắn về năng lực của bản thân đối với những yêu cầu của nghề. Từ đó, có sự lựa chọn đúng đắn và hoàn hảo nghề nghiệp tương lai cho mình.

#### **4. Giáo dục ĐHGTT nghề nghiệp cho HS phổ thông đáp ứng yêu cầu phát triển KT-XH**

Trong bối cảnh toàn cầu hóa và hội nhập kinh tế quốc tế, việc mở cửa thị trường lao động tạo ra sự dịch chuyển lao động giữa các nước, đòi hỏi các quốc gia phải nâng cao chất lượng nguồn nhân lực quốc gia; phải có năng lực cạnh tranh cao (vốn tri thức, thái độ và năng lực nghề nghiệp). Người lao động phải thường xuyên cập nhật kiến thức, kĩ năng nghề và phải có năng lực sáng tạo, có khả năng thích ứng linh hoạt với sự thay đổi của công nghệ và đòi hỏi người lao động

phải học tập suốt đời. Việc định hướng đào tạo nghề tạo cơ hội phát triển nhân lực đáp ứng yêu cầu thị trường lao động sẽ tạo việc làm bền vững cho người lao động.

Hiện nay, chất lượng nguồn nhân lực và năng lực cạnh tranh của nền kinh tế nước ta còn rất thấp. Về cơ bản, Việt Nam vẫn là một nước nông nghiệp, nghèo, chất lượng nguồn nhân lực còn hạn chế. Theo đánh giá của Ngân hàng thế giới (WB) chất lượng nguồn nhân lực của Việt Nam chỉ đạt 3,79 điểm (thang điểm 10 - xếp thứ 11 trong 12 nước ở châu Á được tham gia xếp hạng). Nước ta còn thiếu nhiều chuyên gia trình độ cao, thiếu công nhân lành nghề; chỉ số kinh tế tri thức (KEI) còn thấp (đạt 3,02 điểm, xếp thứ 102/133 quốc gia được phân loại). Tỷ lệ lao động không theo đúng nghề cao, năng suất lao động thấp và đây là một trong những nguyên nhân chủ yếu làm cho năng lực cạnh tranh của nền kinh tế Việt Nam thấp (2006 xếp thứ 77/125 quốc gia và nền kinh tế tham gia xếp hạng; 2009 xếp thứ 75/133 nước xếp hạng)... Vì vậy, cần phải đẩy nhanh việc nâng cao chất lượng GD-ĐT có kĩ năng nghề và có năng lực làm việc trong môi trường đa văn hóa.

Theo mục tiêu Chiến lược phát triển KT-XH, đến năm 2020 nước ta trở thành nước công nghiệp có trình độ phát triển trung bình (tỉ trọng các ngành công nghiệp và dịch vụ chiếm khoảng 85% trong GDP; tỉ lệ lao động nông nghiệp còn khoảng 30% trong lao động xã hội. Đây cũng là thách thức to lớn đối với GD-ĐT, đòi hỏi phải đi trước một bước để chuẩn bị nguồn nhân lực cho đất nước trong giai đoạn mới này. ĐHNND ở Việt Nam trong thời gian tới cần đảm bảo có đội ngũ lao động đủ về số lượng, có kiến thức, kĩ năng nghề với cơ cấu và trình độ phù hợp.

Đối với HS phổ thông, chọn ngành học là quyết định quan trọng bởi nó ảnh hưởng lớn đến tương lai sau này. Tuy nhiên, nhiều HS ít khi tìm hiểu kĩ về ngành học, công việc mà mình sẽ theo đuổi. HS lựa chọn nghề theo cảm tính hoặc theo mong muốn của cha mẹ mà không quan tâm tới đặc thù nghề nghiệp cũng như triển vọng công việc sau này. Trong khi đó, muốn có nghề nghiệp hợp lí phải thỏa mãn sự đam mê, yêu thích, muốn sống chung cả đời với nghề nghiệp đó; phải có năng lực, khả năng và thể mạnh của bản thân; nghề lựa chọn là cơ hội nghề nghiệp mình lựa chọn, là hiểu biết về nhu cầu thị trường lao động.

Trong khi đó, với vốn tri thức có được và kinh nghiệm bản thân non nớt thì HS phổ thông chưa có khả năng nhận thức đầy đủ về thế giới nghề nghiệp, thị trường lao động và xu hướng phát triển KT-XH;

do vậy, cần có sự định hướng nghề nghiệp thông qua hoạt động giáo dục.

### 5. Nội dung giáo dục ĐHGТ nghề nghiệp trong trường phổ thông:

- Cung cấp cho HS những thông tin về thế giới nghề nghiệp: các loại nghề, nhóm nghề, các lĩnh vực nghề có trong xã hội; cung cấp thông tin về những mặt tích cực và khó khăn của mỗi nghề nhằm giúp các em tìm hiểu về giá trị các nghề.

- Giúp HS tìm hiểu nghề, giáo viên có thể xây dựng các bản "họa đồ" nghề nghiệp (bản mô tả nghề nghiệp một cách ngắn gọn) như sau: + Tên nghề và những chuyên môn thường gặp trong nghề (có thể đưa một vài nét về lịch sử phát triển của nghề đó); + Nội dung và tính chất lao động của nghề; + Những điều kiện cần thiết phải có để tham gia lao động của nghề đó; + Những chống chỉ định y học, gồm: Điều kiện về sức khoẻ, về đặc điểm sinh lí và bệnh lí không đảm bảo cho việc học nghề và làm nghề; + Những điều kiện bảo đảm cho người lao động làm việc trong nghề (tiền lương tối thiểu và thang lương trong nghề; điều kiện nâng cao tay nghề, nâng cao chuyên môn nghiệp vụ...; những phúc lợi mà người lao động được hưởng); + Những nơi có thể theo học nghề; + Những nơi có thể được bố trí để làm việc.

- Cung cấp những yêu cầu của nghề đòi hỏi phải có ở người lao động về tri thức, kĩ năng, kĩ xảo, yêu cầu tâm - sinh lí và sức khoẻ.

- Cung cấp kiến thức về giá trị riêng của từng nghề trong xã hội, những đặc điểm đặc trưng của từng nghề.

- Cung cấp những thông tin về nhu cầu lao động, nhu cầu nhân lực của nền sản xuất ở địa phương cũng như của toàn bộ nền kinh tế quốc dân; đồng thời, dự báo về triển vọng phát triển của nghề trước mắt và trong tương lai.

- Giáo dục và xây dựng thái độ, giá trị văn hoá nghề nghiệp mang tính chuyên môn, kĩ thuật cao cho HS như: tinh thần trách nhiệm, bảo đảm sự nghiêm túc về kỉ luật lao động và quy trình công nghệ; trung thực, không làm hàng xấu, hàng giả; biết tiết kiệm nguyên, vật liệu, sức lao động và thời giờ; quan hệ hữu nghị, tốt đẹp với đồng nghiệp; xây dựng thái độ nhân văn, giá trị sống, giá trị văn hoá, dân tộc và thời đại cho HS.

\*\*\*

ĐHGТ nghề nghiệp đóng vai trò quan trọng trong việc xây dựng tri thức căn bản về thế giới nghề nghiệp; từ đó, người học có thể tìm hiểu, lựa chọn cho mình một nghề để theo học và phát triển. Giáo dục ĐHGТ nghề nghiệp giúp người học đánh giá được vai trò vị trí của mình trong gia đình, cuộc sống, xã hội; từ đó,

hình thành được quan điểm phát triển cá nhân. Bên cạnh đó, ĐHGТ nghề nghiệp giúp người học hiểu được về hệ thống nghề nghiệp, các yêu cầu tối thiểu cho một nghề, những yêu cầu về kiến thức, kĩ năng, kĩ xảo nghề nghiệp. Do vậy, giáo dục ĐHGТ nghề nghiệp là cần thiết để giúp người học lựa chọn được nghề phù hợp với khả năng, sức khỏe, điều kiện sống, hoàn cảnh đáp ứng yêu cầu phát triển KT-XH hiện nay. □

### Tài liệu tham khảo

- [1] Paths - Harmin - Simon (1986). *Các giá trị và dạy học*. Ohio.
- [2] Bộ Chính trị (2008). *Kết luận về việc tiếp tục thực hiện Nghị quyết TW 2 (khoá VIII) về phương hướng phát triển giáo dục và đào tạo đến năm 2020*.
- [3] Thủ tướng Chính phủ (2012). *Quyết định 432/QĐ-TTg về việc Phê duyệt Chiến lược phát triển bền vững Việt Nam giai đoạn 2011-2020*.
- [4] Phạm Minh Hạc (1994). *Vấn đề con người trong công cuộc đổi mới*. Tạp chí Nghiên cứu giáo dục, 10/1994, tr 2-8.
- [5] Thái Duy Tuyên (2005). *Những vấn đề chung của giáo dục học*. NXB Đại học Sư phạm.

## Bàn về dạy học kiến tạo...

(Tiếp theo trang 99)

### 3. Kết luận

DH kiến tạo là loại hình DH hiện đại nhằm hình thành nhân cách độc lập, tự học, tự lĩnh hội kiến thức. Cơ chế tự học, tự phát triển trong kiến tạo xã hội chính là sự hình thành và phát triển hoạt động chủ đạo. Nhờ hoạt động chủ đạo mà các cấu trúc tâm lí mới của từng lứa tuổi được hình thành. Tính chủ định cùng với tưởng tượng và tư duy trực quan hình ảnh là các cấu trúc tâm lí mới của tuổi mầm non, là cái trẻ mầm non tự lĩnh hội trong hoạt động vui chơi. □

### Tài liệu tham khảo

- [1] Выготский Л.С. Воображение и творчество в детском возрасте: Психологический очерк. М., 1967
- [2] КРАВЦОВА Е.Е., ПСИХОЛОГИЧЕСКИЕ НОВООБРАЗОВАНИЯ ДОШКОЛЬНОГО ВОЗРАСТА
- [3] Эльконин Д.Б. Актуальные вопросы исследования периодизации психического развития в детстве // Проблемы периодизации развития психики в онтогенезе: Тезисы Всесоюзн. симп. 24 - 26 ноября 1978 г., г. Тула. М., 1976.
- [4] <http://www.voppsy.ru/issues/1996/966/966064.htm>
- [5] Теплов Б. М. Способности и одарённость. // Психология индивидуальных различий. Тексты. М.: изд-во Моск. Ун-та, 1982, с. 133 – 13